

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B3LX**

Năm học: **22-23**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04226**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802033213	Huỳnh Tuấn Anh	24/05/2007					9.5	7.0	7.0	8.0	8.0		7.8		7.8
2	2254802033214	Nguyễn Tuấn Anh	13/09/2005					6	7.0	3.0	3.0	7.0		0.0		2.0
3	2254802033215	Võ Lê Trí Bảo	16/11/2007					7	8.5	7.0	8.5	8.5		8.2		8.1
4	2254802033216	Trần Bửu Chánh	23/07/2006					7	7.0	0.0	0.0	7.0		0.0	0.0	1.6
5	2254802033217	Đặng Thành Đạt	19/09/2006					9	8.0	9.0	7.5	9.0		8.8		8.7
6	2254802033218	Dương Chí Đạt	29/09/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2254802033219	Nguyễn Ngọc Hân	11/08/2007					8	7.0	6.0	8.0	7.0		7.4		7.3
8	2254802033220	Võ Thị Ngọc Hân	14/01/2007					0	5.0	0.0	3.5	5.0		0.0	0.0	1.2
9	2254802033221	Lê Thị Mỹ Hằng	04/12/2007					6.5	7.5	6.0	6.0	7.5		6.6		6.6
10	2254802033222	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	27/02/2007					8	4.5	4.0	3.0	7.0		3.6		4.2
11	2254802033223	Nguyễn Thị Thanh Hằng	03/01/2007					9.5	9.0	1.0	1.0	9.0		0.0		2.2
12	2254802033224	Lê Minh Hưng	19/06/2007					6.5	6.0	6.0	7.0	6.0		5.4		5.8
13	2254802033225	Cao Thị Kim Hương	08/02/2007					6	8.0	8.5	7.0	8.0		6.8		7.1
14	2254802033226	Phạm Ngọc Anh Khoa	23/03/2007					6.5	4.5	5.5	4.0	5.5		5.0		5.0
15	2254802033227	Huỳnh Thị Bảo Kim	18/05/2007					5	6.5	3.5	3.5	6.5		2.8		3.7
16	2254802033228	Phan Huỳnh Lâm	04/09/2007					7.5	7.0	0.0	0.0	7.0		0.0	0.0	1.6
17	2254802033229	Đoàn Minh Mẫn	12/05/2007					5.5	4.5	5.5	5.0	5.5		5.6		5.4
18	2254802033230	Nguyễn Thái Nghi	31/07/2007					7.5	6.0	0.0	0.0	6.0		0.0	0.0	1.4
19	2254802033231	Lê Bích Ngọc	02/01/2006					9	8.5	1.0	1.0	8.5		0.0		2.1
20	2254802033232	Lý Thanh Tuyết Ngọc	30/08/2007					6.5	7.5	7.0	5.0	7.5		5.6		6.0
21	2254802033233	Phạm Trần Xuân Nhi	10/03/2007					0	7.0	0.0	0.0	7.0		0.0	0.0	1.2
22	2254802033234	Nguyễn Minh Như	30/03/2007					9	5.0	6.5	5.0	6.5		5.6		5.8
23	2254802033235	Trần Chấn Phong	25/07/2007					7.5	8.5	0.0	5.0	7.5		0.0		2.2
24	2254802033236	Phạm Võ Nguyên Phúc	24/03/2007					9	9.0	9.0	9.0	9.0		7.2		7.9
25	2254802033237	Vũ Ngọc An Phương	22/09/2007					8	5.0	7.0	7.0	7.0		6.0		6.3
26	2254802033238	Nguyễn Hữu Vinh Quang	02/05/2007					9	8.0	5.0	3.5	8.0		6.6		6.5
27	2254802033239	Hà Văn Anh Quốc	09/06/2007					6	5.5	0.0	0.0	5.5		0.0	0.0	1.2
28	2254802033240	Nguyễn Tạ Hoàng Thanh Sơn	01/08/2007					0	5.0	0.0	2.5	5.0		0.0	0.0	1.1
29	2254802033241	Cao Nhật Tân	16/09/2007					10	7.5	8.5	8.0	8.5		7.8		8.0
30	2254802033242	Trần Hoàng Hải Thiên	14/10/2007					4.5	6.0	5.5	6.0	6.0		3.2		4.2
31	2254802033243	Nguyễn Phan Huỳnh Trâm	06/12/2007					5.5	9.0	6.0	6.0	7.5		5.6		6.1
32	2254802033244	Nguyễn Thị Thùy Trang	14/08/2007					9	7.5	7.0	6.5	7.0		6.4		6.7
33	2254802033245	Tất Thị Kim Trang	31/01/2007					9	8.0	8.0	7.0	8.0		6.2		6.9
34	2254802033246	Nguyễn Triệu Vy	30/10/2007					6	7.5	8.0	6.0	7.5		5.4		6.1
35	2254802033247	Sơn Thị Thu Yển	10/05/2007					9.5	7.5	6.5	5.0	7.5		4.8		5.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đỗ Thị Hải Nhi